

# KẾT HỢP GIỮA KINH TẾ BIỂN VỚI BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO TÂY NAM VIỆT NAM THẾ KỶ XVII - XIX

NGUYỄN MẠNH DŨNG\*  
TRẦN XUÂN THANH\*\*

## 1. Mở đầu

Là một vùng biển giàu tiềm năng cũng như có một vị thế đặc biệt về địa chính trị và địa kinh tế, vùng biển đảo Tây Nam có vai trò quan trọng đối với kinh tế và an ninh quốc phòng. Từ khi là một bộ phận cấu thành Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn, vùng biển đảo Tây Nam đã trở thành một thành tố không tách rời của quốc gia Việt Nam.

Trong các thế kỉ XVII-XVIII, cùng với việc củng cố quyền lực chính trị và sức mạnh quân sự, chính quyền Đàng Trong đã thực thi nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy ngoại thương (nhất là hải thương) và đa phương hóa các mối quan hệ quốc tế, vươn tới tầm mức và vị thế của một “Thế chế biển” (*Maritime polities*) ở khu vực (1). “Chúa Đàng Trong không đóng cửa trước một quốc gia nào, ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc, người Hà Lan cũng tới như những người khác, cùng với tàu chở rất nhiều hàng hóa của họ” (2). Cũng theo Cristoforo Borri, “phương châm của người Đàng Trong là không bao giờ sợ một nước nào trên thế giới” (3). Những đối tác quan trọng của Đàng Trong như Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ Đào Nha, Hà Lan... đều được tạo điều kiện thuận lợi từ chính sách ưu đãi của các chúa Nguyễn.

Dưới tác động của nền kinh tế hải thương, trong các thế kỷ XVII-XVIII, một số cảng thị ở Đàng Trong trong đó có thương cảng Hà Tiên đã có sự phát triển mạnh và trở thành những mô hình cảng thị mới trên cơ sở những hoạt động và mối liên hệ kinh tế với thị trường khu vực và quốc tế. Nằm ở phía Nam của Đàng Trong, một bến đỗ quan trọng trên tuyến hải trình từ trung tâm kinh tế vùng hạ lưu Chao Phraya đến các cảng phía Đông, Hà Tiên trở thành một tâm điểm trong quan hệ giữa Đàng Trong với Xiêm và các nước trong khu vực với “đường sá xuyên suốt, phố xá nối liền, người Kinh, người Tàu... người Chà Và tụ tập cư trú. Thuyền biển, thuyền sông qua lại như mắc cửi, là chốn đô hội ở nơi góc biển” (4). Trong phạm vi lớn hơn, Hà Tiên trở thành một trong những điểm đến quan trọng của các thương thuyền phương Tây (Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan...), Trung Quốc và Đông Nam Á (5).

Khi mô tả về các chợ Mỹ Đức, Sái Phu, Hoàng Giang, Sân Chim..., trong đó, chợ Mỹ Đức với phố xá nối liền...; chợ Sái Phu thì phố xá san sát, thuyền buôn đến đậu đông đảo; chợ Hoàng Giang quán xá đông đúc, thuyền buôn tụ tập... Những chính sách cởi mở với người nước ngoài đã giúp

\*PGS.TS. Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

\*\*TS. Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

khởi thông, phát huy sức lực, tài năng cho công cuộc phát triển Đảng Trong (6).

Nhận thức được tầm quan trọng của vùng biển đảo Tây Nam, trong thế kỷ XVII-XIX, chúa Nguyễn-triều Nguyễn đã thực thi nhiều biện pháp nhằm phát huy và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải. Một trong những hoạt động đó là sự kết hợp phát triển kinh tế (nhất là kinh tế biển) gắn liền với việc khẳng định, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo Tây Nam của Tổ quốc.

## **2. Kết hợp giữa kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền biển đảo Tây Nam Việt Nam thế kỷ XVII-XIX**

### **2.1. Khai thác, quản lý tài nguyên, bảo đảm an ninh quốc phòng, huy động ngư dân trong bảo vệ chủ quyền biển đảo**

Vùng biển đảo Tây Nam, về điều kiện tự nhiên, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với đối gió mùa cận nhiệt đới nóng quanh năm (7). Khu vực này “đất đai ẩm ướt, khí trời nóng nực, bốn mùa khí nóng quá nửa năm. Lại thường có gió núi hay gió biển lạnh buốt xương, khi khí ẩm bốc mạnh, hay sinh bệnh chướng lệ phong bại. Nước triều gặp gió Đông Bắc mạnh thì ngập tràn bờ bến, còn không thì lên xuống như thường” (8). Về vị trí địa lý, theo ghi chép từ các sử liệu dưới triều Nguyễn, khu vực này được xem là “một nơi có hình thế đẹp” (9).

Trong tác phẩm *Gia Định thành thông chí*, vùng biển Tây Nam được Trịnh Hoài Đức mô tả: “Các hòn đảo làm án gần trước mặt, hòn ra hòn vào xen nhau hoặc như cái đai ngọc, cái cung nằm, như cái đài vuông, cái đàn nằm ngang, phục dưới thấp mà vòng quanh hợp lại. Đảo Phú Quốc ở đằng xa châu lại, cao vót đẹp đẽ. Nay lại được sông Vĩnh Tế khơi thông, thuyền buồm ở sông ở biển tụ họp, đường thủy đường bộ tiện lợi” (10). *Đại Nam nhất thống chí* mô

tả nơi đây “cửa biển có pháo đài Đảo Vàng, để khống chế nơi xung yếu ngoài biển có đảo Phú Quốc làm bình phong chắn trước mặt, thực là cửa ngõ hệ trọng của cả xứ Nam Kỳ” (11). Phú Quốc nằm ở “phía Tây Nam của huyện Hà Châu, giữa biển, hành trình từ đất liền ra đảo mất một ngày một đêm là tới” (12).

“Muốn ăn ngon thì đến Rạch Giá, Muốn ăn cá thì đến An Biên, Muốn kiếm tiền thì đi Phú Quốc, Muốn dưỡng sức thì đến Hà Tiên”, vùng biển Tây Nam còn cung cấp yến sào, một loại đặc sản quý cho triều đình, được khai thác từ các hòn đảo nhỏ như hòn Tre, hòn Đá Lửa, hòn Nghệ (Uất Kim dự), hòn Sơn, hòn Dầu Rái, đảo Thổ Châu... (13). Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì nơi đây “không có hùm beo, nhiều heo rừng, có nai, hươu, yến sào, mây, gỗ tốt, đồi mồi, hải sâm, quế, mắm. Thổ sản có thứ lúa sớm, các thứ đậu, bắp đỏ, dưa, rất ít lúa nếp. Trong núi sản xuất thứ huyền phách sáng ngời như đánh bóng, có thể làm chuỗi hạt đeo, thứ lớn có thể chạm trở hộp đựng trà cau, hoặc làm chén đĩa, giá rất đắt, còn long diên hương thỉnh thoảng cũng có”(14). Ở phía Tây Nam của Phú Quốc có “cửa Dương làm chỗ ghe thuyền đến đậu yên ổn. Dân miền biển đến ở, lập thành làng xóm. Gần đó về phía Nam có hòn Long Trấn, phía Đông Nam có hòn Dừa, phía Tây Bắc có hòn Năng Nội và hòn Năng Ngoại. Lúc đầu Trung hưng, Thế tổ Cao Hoàng đế từng dừng chân ở đây, nhân dân đều giúp sức hết lòng, thám báo địch tình, cung cấp vật dụng, nên sau khi nước nhà đại định, được miễn sưu thuế giao dịch, cho đến ghe thuyền buôn bán hay đánh cá cũng được miễn thuế. Duy ở xa khơi giữa biển phải phòng bị quân cướp biển Chà Và, nên có đặt đồn thủ ngự, dùng dân làm lính, sắm đủ khí giới, để giữ cho nhau bảo vệ đảo” (15).

Chính sử cũng cho biết năm Minh Mệnh thứ 17 (1836), triều đình bắt đầu “định lệ hàng năm thu mua sản vật từ Quảng Nam trở vào Nam đến Hà Tiên. Nhiều sản vật từ Hà Tiên và vùng biển đảo Tây Nam đã được nhà nước thu mua như các loại sản vật quý: “mai đồi mỗi, hải sâm, vây cá, bong bóng cá, yến sào, tôm khô đã bóc vỏ 10.000 cân, cá thiết linh khô 10.000 cân, hồ tiêu 10.000 cân, các hạng ván gỗ táu, gỗ tử thuận. Phàm gỗ trầm thị và gỗ mun đều hạn dài 3, 4 thước, đường kính trên dưới 3, 4 tấc; các hạng ván gỗ táu, gỗ tử thuận đều hạn dài 15 thước trở lên, bề mặt 5 tấc trở lên, dày 8 phân đến 1 tấc 2 phân” (16).

*Đại Nam nhất thống chí* cũng ghi chép về vùng biển Tây Nam: “Biển: đất Hà Tiên ở phía Tây tỉnh An Giang, long mạch, trực đất chạy ra giữa biển, tích tụ dân, qua hướng Nam có đảo Tiểu Thủ đứng ngoài biển, ngăn che sóng lớn mà bồi thành doi cát, có các đảo nhỏ đứng giăng la liệt, từ phía Tây lên phía Bắc, qua phía Nam của biển Tiêm La. Giữa khoảng ấy có vũng rộng làm hào nóng hiểm yếu cho tỉnh Hà Tiên. Lại có cồn cạn vực sâu khác nhau, có nhiều cá lớn, hải sâm, đồi mồi, hào, sò, cá cơm, ốc tai voi... Thuyền đánh cá người Quỳnh Châu, tỉnh Quảng Đông thường đến đậu ở các đảo để đánh cá phơi khô và bắt hải sâm, cùng ghe thuyền của dân ta xen nhau trên mặt biển” (17).

“Đất Hà Tiên ở phía Tây thành Gia Định... Nhiều cá to, hải sâm, đồi mồi, trai, sò, con điệp, ốc tai voi, gió nam bắc là gió ngược. Người đánh cá cứ tháng 3 xuống biển làm nghề... Giặc biển Chà Và cũng bắt thân ngầm nắp ở các đảo để cướp của bắt người, cho nên xứ ấy đều sắm khí giới để phòng bị, mà thuyền tuần của lính trấn thì cứ đến mùa gió Nam là tuần phòng càng cẩn thận, hơi sơ phòng một chút là có cướp bóc ngay” (18).

Nhìn chung, những số liệu thống kê ngày nay cho thấy vùng biển đảo Tây Nam sở hữu các nguồn tài nguyên biển dồi dào và được xem là một trong những trung tâm của thế giới về đa dạng sinh học. Biển Đông, khu vực bao trùm cả vùng biển Tây Nam, là một trong 64 hệ sinh thái biển lớn (*large marine ecosystem*), nơi được xếp hạng thứ tư trong số 19 khu vực đánh cá tốt nhất thế giới về tổng sản lượng đánh bắt hải sản hàng năm (19). Các nguồn tài nguyên sinh vật (*living resources*) ở vùng biển Tây Nam rất phong phú và đa dạng. Theo đó, trữ lượng cá nổi trung bình ở vùng biển Tây Nam là 945.000 tấn và khả năng khai thác là 472.000 tấn. Tỷ lệ cá nổi ở vùng biển Tây Nam cũng chiếm tới 62% tổng trữ lượng cá ở vùng biển Việt Nam (20). Bên cạnh đó, các nguồn tài nguyên đặc biệt bao gồm địa hình bờ, đảo và không gian mặt biển của vùng biển đảo Tây Nam cũng được đánh giá cao. Cũng giống như các vùng biển khác ở Đông Nam Á, không gian mặt biển của vùng biển Tây Nam quanh năm nước không đóng băng, là điều kiện thuận lợi để các hoạt động giao thương và hàng hải phát triển. Địa hình bờ biển đa dạng nơi đây cũng được xem là “sân khấu” để cho thế giới sinh vật, trong đó có con người “trình diễn” cuộc sống của mình. Khảo về vùng biển đảo, không thể không nói về các hòn đảo ở đây. Ngoài các đảo lớn là Phú Quốc và Thổ Châu, nơi đây còn có các hòn đảo nhỏ khác như: Đại Kim, Tiểu Kim, Tre Nội, Tre Ngoại (21).

Ở vùng biển Tây Nam chứa đựng hầu hết các hệ sinh thái biển và ven biển điển hình như rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi bồi và vùng triều, là nơi cư trú và sinh sản của nhiều loài sinh vật biển. Đây là một trong những ngư trường trọng điểm của cả nước, có trữ lượng lớn, nhiều loài có giá trị kinh tế cao. Hệ thống quần

đảo và đảo trên biển cùng các khu rừng ven biển rất thuận lợi để xây dựng căn cứ, thế trận quân sự - an ninh để bảo vệ vững chắc chủ quyền và phát triển kinh tế biển, đảo trên một hướng chiến lược của Tổ quốc (22).

Để khai thác có hiệu quả nguồn lợi biển, các chúa Nguyễn cũng chú ý đến các vị trí tiên tiêu hướng ra biển. Chính quyền thường xuyên cho tuyển mộ dân đinh để cử ra các quân đảo Hoàng Sa, Trường Sa, đảo Côn Lôn cũng như các đảo trên vùng biển Tây Nam để khai thác tài nguyên biển. Việc cho thành lập các đội thương thuyền không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế biển mà còn bổ sung thêm các nguồn lực phục vụ cho công cuộc bảo vệ an ninh, chủ quyền trên các vùng biển đảo.

Chính sử đã ghi nhận nhiều trường hợp khai phá, mở mang, đưa người dân đến sinh sống, lập nghiệp “Đồn ấy [đồn Châu Đốc] là chỗ địa đầu quan yếu, đã từng sai chiêu tập dân chúng và nhà buôn, cho vay tiền thóc, để họ khẩn ruộng, lập ấp, họp nhau cư trú, làm ăn sinh sống nơi biên thùy của ta cho được bền vững” (23). “Đình trấn Hà Tiên có các thuyền... Có đội Thủy thắng, thuộc về đầy 3 thuyền. Có đội Hùng bộ 3 thuyền và các đội Tả thủy, Hữu thủy. Các cơ đội trên đây, trừ thổ binh được miễn tiền gạo sưa suất không cấp lương ra, còn đều lĩnh lương ở kho bạc nhà nước” (24).

Sang đến thập niên 30 thế kỷ XIX, dưới thời vua Minh Mệnh “Côn Lôn thủ và Hà Tiên Phú Quốc thủ đều là những nơi xung yếu, dân ở đông đúc, thế mà thường có giặc biển ẩn hiện. Liên truyền dụ cho quan thành chọn đất 2 chỗ thủ ấy, xây đặt pháo đài, liệu cấp súng đạn, khí giới, thuyền bè, phái quân đóng giữ. Những cư dân cũng cấp cho khí giới để cùng phòng giữ. Lại chuyển sức cho 5 trấn trong thành hạt, ra lệnh cho các làng sở tại ven biển đều sẵn

sàng thuyền bè khí giới, nếu thấy thuyền giặc đến gần bờ, tức thì cùng nhau tiếp ứng góp sức đánh bắt...” (25).

## **2.2. Các hoạt động kinh tế biển gắn liền với việc khẳng định, thực thi, xác lập chủ quyền biển đảo Tây Nam**

Như đã trình bày ở trên, vùng biển Tây Nam vốn nổi tiếng với các cửa biển, trong đó có các cửa biển như: Kim Dữ, Kiên Giang, Đại Môn, Hoàng Giang, Hiệp Phố, Tam Giang, Bồ Đề, Ghềnh Hàu, Thủ Bình Giang... Những cửa biển này trên thực tế đóng vai trò quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng ở vùng biên ải phía Tây Nam của đất nước. Tuy nhiên, đây cũng là địa bàn dễ xảy ra các nguy cơ thâm nhập từ nạn hải tặc, nhất là giặc biển Chà Và. Để chủ động phòng ngừa cũng như sẵn sàng đối phó với các nguy cơ này, trên hầu hết các cửa biển này, chính quyền nhà Nguyễn đều cho lắp đặt các công trình phòng thủ như pháo đài và “đặt thủ ngự trú phòng” (26). Nhiều pháo đài, bảo đài kiên cố đã được triều đình cho xây dựng để chủ động phòng thủ, giữ vững chủ quyền trên biển.

Đối với Hà Tiên, Tổng trấn Mạc Cửu đã xây dựng vùng đất này trở thành một trung tâm kinh tế phồn thịnh, nhưng cũng không ít lần phải đối phó với các cuộc đánh chiếm (chẳng hạn bị quân Xiêm tàn phá nặng nề) (27). Vùng đất Hà Tiên trở thành địa đầu Tổ quốc, nơi thường xuyên phải đối chọi với sự xâm nhập và những biến động của các thế lực chính trị khu vực. Trong các văn thư ngoại giao, chúa Nguyễn vừa tỏ ra mềm dẻo, nhưng cũng kiên quyết chống lại việc xâm phạm chủ quyền của Xiêm (28). Chân Lạp là mục tiêu trở thành “vùng đệm” trong chính sách Đông tiến của người Thái. Do những lợi ích kinh tế, chính trị, mặc dù thất bại quân sự năm 1785, giới

cầm quyền Xiêm vẫn chưa chịu từ bỏ ý đồ xâm chiếm vùng đất của Việt Nam (29).

Kênh Vĩnh Tế đóng vai trò kếp trong phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng, chủ quyền quốc gia, “phòng thủ chiến lược”. “Ngày quốc vương nước ấy [Cao Miên] đến thành, quan Tổng trấn phải tiếp đón chu đáo và nhân tiện bàn với Quốc vương ấy về việc khơi thông con kênh từ Châu Đốc đến địa giới trấn Hà Tiên (tức kênh Vĩnh Tế) để Quốc vương biết những lợi ích trong việc bảo vệ nước ấy và để họ chuẩn bị hợp tác thực hiện” (30).

Từ những trải nghiệm sâu sắc của mình, vua Gia Long rất ý thức về việc thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo phía Nam. Trong một chuyến thao diễn chiến thuyền trên sông Hương ở Kinh thành Huế, nhân khi bàn về cơ lược dùng binh với quan quân của mình, vua đã chỉ dụ “Côn Lôn, Phú Quốc, Thị Nại, Cù Mông, trăm cùng tướng sĩ các người đã trăm trận đánh vất vả mới có ngày nay. Lúc yên đừng quên lúc nguy, đó thực là đạo giữ nước yên dân” (31). Sau khi lên nối ngôi, vua Minh Mệnh từng nhấn mạnh “biết tự trị thì mạnh, có phòng bị thì không lo...; còn đảo Côn Lôn ở Vĩnh Long; đảo Phú Quốc ở Hà Tiên đều có đặt đồn bảo chia phái lính thú tuần phòng, để răn ngừa sự lo bất ngờ” (32).

Tinh thần đề cao cảnh giác, chủ động phòng thủ, ý thức về chủ quyền biển đảo đất nước cũng ghi dấu ấn đậm nét trong tư duy và nhận thức của các vị đứng đầu vương triều Nguyễn. Những hình ảnh khắc trên bộ Cửu Đỉnh (33) đúc tại Kinh thành Huế dưới triều vua Minh Mệnh bên cạnh những hình ảnh về sự giàu đẹp của đất nước như núi sông, cửa ải, động thực vật, binh khí... thì hình ảnh của biển, lãnh hải, đã được chạm khắc tinh vi, thể hiện rất rõ tinh thần hướng biển của những người đứng đầu đất nước cũng như của người dân

Việt. Ở Cao Đỉnh có hình ảnh Đông Hải, ở Nhân Đỉnh có biển Nam Hải, ở Chương Đỉnh có biển Tây Hải, ở Nghị Đỉnh có Thuận An hải khẩu, ở Thuần Đỉnh có Cần Giờ hải khẩu, ở Dụ Đỉnh có Đà Nẵng hải khẩu... Các địa danh như núi Thiên Tôn, sông Hương, núi Ngự, đại diện của miền Trung, đại diện cho vùng đất do tổ tiên nhà Nguyễn mở mang bờ cõi ở phương Nam và cũng là nơi Nguyễn Ánh dấy nghiệp; các con kênh đào, công trình thủy lợi có ý nghĩa thiết thực được thực hiện dưới thời Nguyễn. Tất cả thể hiện nền kỹ thuật quân sự, các cửa ải quan yếu, các cửa biển của đất nước, sự phồn thịnh của tài nguyên đất nước (34).

Cụ thể, năm 1834, vua Minh Mệnh lệnh cho đắp pháo đài Kim Dũ (35). Ngoài ra, triều đình còn cho xây dựng Bảo đài Phù Anh, Lũy dài Thị Vạn được xây đắp năm 1842; Bảo Lư Khê, Pháo đài nhỏ Tô Châu được đắp năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), Bảo Giang Thành được đắp năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), Bảo Tiên Thái đắp năm Minh Mệnh thứ 6 (1825); Bảo Đàm Chiết, Bảo Hàm Ninh xây đắp năm Thiệu Trị thứ 2 (1842); Bảo Phú Quốc xây đắp trên đảo Phú Quốc năm Minh Mệnh thứ 20 (1839).

Cuối năm 1853, khi phủ thần Hà Tiên Lê Quang Nguyên và thanh tra Bùi Văn Phong dâng việc biên phòng, vua Tự Đức đem việc này hỏi kinh lược sứ thần Nguyễn Tri Phương và được tấu rằng “Mạc Thiên Tứ phòng giữ sơ sài, đến nỗi có việc nhiễu loạn ở Tô Châu. Như nay, phía hữu Tô Châu có bảo Kim Dũ; phía tả con đê ngang, lại có bảo Lư Khê, nên đặt thêm bảo Tô Châu nữa, để cùng chống đỡ lẫn nhau, không nên đắp mới lũy dài ở Hà Tiên, An Giang thì nên chia ghép đất ở cho bọn tù được tha, dồn làm đội ngũ Hướng thiện, Quy thiện, cấp vốn cho khẩn ruộng, hạn cho 10 năm phải nộp giả đủ, mà không nên cho

chúng tụ họp đông. Đến như thuyền buôn nước Thanh ở cửa Cần Bột, nên cho phép đến buôn, nhưng hạ lệnh cho chúng đậu hết cả ở bảo Lộc Trì và phải chia nộp sủng ống, khí giới mang theo thuyền ấy cho ta, để tiện phòng kiểm. Vua cho là phải” (36).

Khi được Nguyễn Tri Phương tâu nói “biên dân Hà Tiên ứng mộ khai khẩn, ở Tiên Giang tất cả 500 người, ở Hậu Giang 435 người, đã đồn làm Ninh Biên nhất, nhị, tam. Duy có sông Vĩnh Tế là nơi quan yếu hơn, mà lại xa, xin đặt chức Tuyên phủ sứ ở An Giang, ngày thường ở đấy, đốc thúc việc cày cấy, xong vụ làm ruộng thì dạy nghề võ. Vua cho là kế hay làm cho dân số tụ đông, lương chứa ở biên giới được đầy đủ, lâu dài mãi” (37).

Theo *Đại Nam nhất thống chí*: “Thuyền đánh cá người Quỳnh Châu, tỉnh Quảng Đông vẫn thường đến đậu ở các đảo để đánh cá phơi khô và bắt hải sâm, cùng ghe thuyền của dân ta xen nhau trên mặt biển. Bọn cướp biển Chà Và cũng thường đến mai phục trên đảo, bắt người cướp của” (38). Thực tế này cho thấy việc thường xuyên kiểm soát, quản lý, cấp phát khí giới để phòng thủ, bảo đảm an ninh an toàn trên biển đảo là rất cấp bách và cần thiết: “cho nên những chỗ ấy [vùng biển Hà Tiên, Phú Quốc - TG] đều sắm đủ khí giới để phòng bị” (39).

Năm 1836, vua Minh Mệnh dụ “Nước ta bờ biển rất dài, việc đi tuần ngoài bể là quan trọng và thiết yếu, nay cho Kinh đô và địa phương gần bể, hằng năm tháng 2 thời phái lính đi tuần ngoài bể đến tháng 7 hay tháng 8 thì trở về (40).

Ngoài các đội Hoàng Sa, Bắc Hải, tại vùng biển đảo Tây Nam còn có các đội Hà Phú, Phú Cường đảm nhận hoạt động tuần tra, canh gác biển đảo. Nhà vua còn yêu cầu bộ Công biên soạn sách *Hải trình tập*

*nghiệm* để phục vụ cho hoạt động tuần tra trên biển (41). Theo thống kê từ *Đại Nam thực lục*, dưới triều vua Minh Mệnh, thủy quân nhà Nguyễn đã liên tục đánh bại nhiều cuộc cướp bóc của cướp biển Chà Và vào các năm 1822, 1823, 1825, 1828, 1830, 1834 ở bãi biển Hà Tiên, đảo Hòn Rái (Lại Dữ), đảo Cổ Rồng (Long Cảnh) (42). Cụ thể như tháng 6 năm Đinh Dậu (1837), 3 chiếc thuyền giặc biển Chà Và lại đến đảo Hòn Rái tỉnh Hà Tiên, Quản cơ Nguyễn Văn Do và Phòng thủ úy Nguyễn Toán đem quân đuổi đánh, bắt được đầu mục giặc là Bạng Ly Ma Ô Tôn, Bạng Ly Ma Cô Lý và đồng đảng 43 tên, chém được 12 đầu giặc, số còn lại nhảy xuống biển chết, thu hết được thuyền súng và khí giới của giặc (43).

### **2.3. Gắn kết kinh tế với đối ngoại, quản lý xung đột, trấn áp giặc biển; tuần tra, kiểm soát, cứu hộ cứu nạn, xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới biển**

Chính sách cứu hộ, cứu nạn cũng được chính quyền đặt ra và thực thi một cách thường xuyên. Chính sách này nhằm trợ giúp những ngư dân, tàu thuyền gặp nạn trên biển từ các nguồn hỗ trợ của nhà nước. Những ngư dân, tàu thuyền của người trong và ngoài nước sẽ được cứu trợ lương thực, thực phẩm cũng như hỗ trợ việc sửa chữa tàu thuyền để về bờ an toàn.

Thời vua Gia Long, triều đình quy định những thuyền buôn bị bão, vỡ thuyền, của cải mất hết thì quan sở tại căn cứ vào số nhân khẩu trong thuyền là bao nhiêu mà cấp phát cho mỗi người một tháng lương thực của công để những người buôn bán đó độ nhật (44). Trên thực tế, nhiều tàu thuyền của nước ngoài khi gặp nạn trên biển đã được lực lượng thủy quân triều Nguyễn hỗ trợ. Chẳng hạn như năm 1829 “thuyền sai của nước Thanh là Hoàng Đạo Thái đi phủ Đài Loan chở thóc công, bị gió dạt vào dương

phận Hà Tiên, thành thần Gia Định tâu lên. Vua [Minh Mệnh] sai theo lệ nạn bão mà chẩn cấp. Bánh lái, cột buồm của thuyền bị gãy, cho mua gỗ sửa chữa mà miễn thuế. Rồi đợi thuận gió cho về” (45).

Từ thời vua Minh Mệnh, triều đình đã tiến hành ban bố các quy chế như “Tuần dương chương trình”, “Tuần thuyền quy thức” và “Tuần dương xử phận lệ” nhằm mục đích chống cướp biển, trạm dương và giữ gìn an ninh cho các loại tàu thuyền hoạt động ven biển. Việc tuần tra, kiểm soát vùng biển được giao cho quân chính quy, song các địa phương cũng thường được triều đình giao cho quyền chủ động huy động dân địa phương tuần thám. Vua Minh Mệnh từng chỉ dụ rằng các tỉnh có hải phận đều phải đóng hai, ba chiếc thuyền nhanh nhẹn, sai dân các đảo sửa chữa thuyền đánh cá, liệu cấp khí giới để đi tuần thám. Quản lý, kiểm soát vùng biển cũng chính là đảm bảo chủ quyền kinh tế biển, chủ quyền lãnh hải.

Bên cạnh việc đắp lũy, xây dựng bảo đài, xây dựng pháo đài, vua Minh Mệnh còn cấp phát thêm khí giới cho cư dân vừa làm ăn, buôn bán, vừa chủ động phòng ngừa giặc biển. Mặt khác, triều đình định hướng sự tham gia của người dân trong phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Nhiều bằng chứng đã nêu rõ chủ trương, chính sách và thực tiễn vai trò của người dân hoạt động đó. Trong những mô tả về không gian biển đảo phía Nam, chính sử còn chép rõ: “Phía Tây Nam có Dương cảng làm chỗ tàu thuyền đỗ được, dân biển tụ ở đều thành thôn xóm. Biển nam ngoài trời, hợp cửa bắc bên trời khai, phía Nam có hòn Long Cảnh nhân dân xứ này ra sức trung thành, thám báo tình hình giặc, cung ứng vật dụng. Cho nên, sau khi bình định, gia ơn miễn thuế thân và lao dịch cho xứ ấy, dù thuyền đánh cá, thuyền đi buôn đều

không đánh thuế. Chỉ vì là nơi biển xa hẻo lánh, phải phòng bị giặc biển Chà Và nhân sơ hở đến ăn cướp, cho nên đặt quan thủ ngự, lấy dân làm lính, đều đủ khí giới cùng nhau giữ gìn để giữ bản cảnh mà thôi” (46).

Nhìn chung, với tư duy phòng ngừa từ sớm, từ xa, bên cạnh việc củng cố, xây dựng hệ thống đồn bảo, tuyển binh, điều động binh lính, xây dựng hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, kiên trì bảo hộ Cao Miên, vua Gia Long tích cực tìm hiểu thực lực binh bị của Xiêm (47). Theo *Xiêm La sử tích*, vua Gia Long “hết sức cân nhắc đến tình hòa hiếu láng giềng với Xiêm La, thường sai người sang cảm tạ và tặng quà. Đến khi chinh chiến thắng trận, báo tin cho biết. Mỗi khi thấy sứ giả của ta đến cảm tạ, người Xiêm đều dâng sản vật địa phương” (48).

Từ năm 1809 đến 1810, bản đồ nước Xiêm, lộ trình thủy, bộ đến Xiêm đã được vua Gia Long cho điều tra, khảo sát kỹ lưỡng (49). Cuối năm 1818, vua Gia Long cho đào kênh nối Châu Đốc với Hà Tiên “Đào con sông này công việc rất khó nhọc. Kế sách của nhà nước, mưu hoạch việc biên thù, đều quan hệ không nhỏ. Các người nay khó nhọc, mà thực có lợi muôn đời. Vậy nên bảo nhau đừng sợ khó nhọc” (50). Năm 1824, con kênh đào hoàn thành, trở thành tuyến giao thương quan trọng hàng đầu của các tỉnh miền Tây. Sau khi lên ngôi, vua Minh Mệnh đã có những cải cách quan trọng. Quân đội thời kỳ này khá hùng mạnh, hoàn bị về tổ chức phiên binh, trang bị vũ khí, tăng cường thủy quân và phòng thủ bờ biển, hải đảo (51). Vua Minh Mệnh tăng cường kiểm soát người nước ngoài, cũng như các yếu tố xâm nhập từ bên ngoài. Dưới thời trị vì của vua Minh Mệnh, triều đình thực thi chính sách đối ngoại cứng rắn hơn nhằm loại bỏ ảnh hưởng của Xiêm ở Chân Lạp, mặc dù trong quan hệ

ngoại giao vẫn cử sứ thần sang Xiêm bàn việc công, chúc mừng (1824) hay như nhận sứ tạ ơn với “nghị thức giao tiếp phải cho hợp lễ, thích đáng” (52).

Thực tế cho thấy, vào đến thập niên 30 thế kỷ XIX, Rama III nhận thấy nội tình rối ren của Việt Nam là một cơ hội không chỉ giúp xác lập lại bá quyền ở Chân Lạp mà còn mở rộng ảnh hưởng sang cả vùng hạ lưu Mê công. “Vua tôi nước Xiêm, nhân Nam Kỳ có cuộc biến về giặc Lê Văn Khôi, tham gái đẹp và ngọc lụa của giặc phỉng gạt, bỏ giao hiếu, gây cừ thù, thừa lúc ta không phòng bị, chia quân thủy, bộ vào cướp, chiếm cứ Chân Lạp, Hà Tiên, Châu Đốc các nơi” (53). Nguy cơ về chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, nhân có việc thủy binh giặc Xiêm đến hải phận Lam Dũ, vua Minh Mệnh [năm 1833] dụ bộ Binh: “Nếu quả thật có quân Xiêm đến đất ta, thì phải trước phái người đưa thư đến vặn hỏi người Xiêm đem quân đến đây là vì ý gì. Xem chúng đáp lại thế nào? Nếu chúng trả lời bằng giọng hòa hảo, thì tùy nghi biện bác, khiến chúng đuối lý, phải tự rút lui, ấy là kế hay nhất. Nếu chúng tham việc gieo tai rắc họa, gây hấn ra trước, thì hãy nên tùy cơ mà đánh” (54).

Để chủ động phòng ngừa, vua Minh Mệnh dặn bộ Binh: Trước đây, ta cũng đã xuống dụ các Tướng quân, Tham tán và tỉnh An Giang liệu lượng điều bát binh thuyền, súng ống khí giới phái đi đóng giữ Hà Tiên rồi. Vả lại, việc này, ở quân thứ đã được tin báo trước, đáng lý ra các viên Tướng quân và Tham tán phải cần kíp đem binh đi đến trấn áp mới phải; thế mà lại chần chừ nghe ngóng; nếu xảy ra sự biến thì há chẳng để lỡ việc ư? Vậy truyền chỉ nghiêm quở các Tướng quân và Tham tán. Nay phải liệu rõ sự cơ, điều thêm binh

dồng, thuyền bè khiến cùng binh lính phái trước, cốt đủ trên dưới 1.000 người, kíp đến Hà Tiên, phòng giữ nghiêm cẩn” (55).

Bên cạnh việc phải đối phó với quân Xiêm, triều Nguyễn cũng thường xuyên phải đối phó với các lực lượng của phương Tây xâm phạm lãnh hải như tàu thuyền của các nước Anh, Bồ Đào Nha hay nước Phạt Lan (Pháp). Đối với các thế lực này, chính quyền nhà Nguyễn cũng đề ra các quy định linh hoạt và cương quyết. Chẳng hạn như năm 1848, “có một chiếc tàu của Anh Cát Lợi đuổi bắt tên tù bị lưu người nước Thanh ở ngoài biển hòn Khoai. Có 16 người Tây dương, một người dân Kinh, ngồi thuyền tới cửa sông Nghi Giang, Hà Tiên xin cho binh phủ đuổi bắt hộ. Tỉnh thần ủy cho Lãnh binh là Tôn Thất Trực đem 100 quân và một người thông dịch đi thuyền đến nơi xét hỏi xua đuổi. Việc ấy đến tai vua. Vua nói: thuyền ấy là thuyền của người Anh, nên hỏi rõ sự trạng, làm cho ổn thỏa không nên nhất khái xua đuổi đi, chỉ tỏ ra là mình không rộng lượng thôi. Vậy chuẩn cho xét hỏi duyên do vì sao mà đến, một mặt tùy nghi làm cho ổn thỏa một mặt tâu lên ngay để rõ tình trạng. (Xưa nay thuyền các nước Anh Cát Lợi, Ma Ly Căn, Bút Tu Kế đến đây mua sắm các thức ăn và lấy củi nước thì không cấm. Duy thuyền nước Phạt Lan Tây [nước Pháp] thì không cho vào vụng và không cho lên bờ vì là đã từng đến sinh chuyện” (56).

### 3. Một số nhận xét

Biển và hải đảo Việt Nam là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng, không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu đối ngoại, gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Kết hợp kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền là yêu cầu khách quan, nội dung cơ bản trong chính sách cai trị của



nhiều triều đại, chính thể cầm quyền trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Trong các thế kỉ XVII-XVIII, hoạt động kinh tế biển (hải thương) là nguồn lực kinh tế chủ đạo, trọng yếu của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Sự lớn mạnh đến mức Đàng Trong được đánh giá là một “thể chế biển” ở khu vực. Chính thực lực kinh tế đó là giúp chúa Nguyễn có thể khẳng định, thực thi và bảo vệ chủ quyền, cương vực của mình. Trong ý nghĩa chung, đó chính là sự kết hợp sức mạnh giữa kinh tế với an ninh, quốc phòng của chính quyền Đàng Trong.

Các vị vua đầu triều Nguyễn như Gia Long, Minh Mệnh đã kế thừa và phát huy các chủ trương, chính sách của các chúa Nguyễn trong việc quản lý và gây dựng vùng biển đảo Tây Nam trở thành một không gian địa kinh tế, địa chính trị quan trọng, có vai trò chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như an ninh, chủ quyền biển đảo của đất nước.

Một trong những biện pháp quan trọng của chính quyền nhà Nguyễn chính là việc chủ động kiểm soát các nguy cơ có thể gây mất ổn định xã hội từ các hoạt động giao thương cũng như nạn giặc biển từ bên ngoài. Hệ quả là triều Nguyễn từng bước hạn chế ngoại thương, đồng thời đề ra những quy định chặt chẽ như việc hạn chế và cấm một số mặt hàng trong buôn bán, giao dịch với thương nhân nước ngoài. Chính sử chép nhiều về “vàng, bạc, muối, gạo, tiền đồng, kỳ nam, trầm hương đều cấm không được mua bán” (57). So với thời kỳ của các chúa Nguyễn, hoạt động quản lý vùng biển đảo Tây Nam dưới triều Nguyễn chuyển từ tập trung khai thác kinh tế biển sang lấy việc bảo đảm an

ninh, quốc phòng làm trọng, trong đó kết hợp hài hòa giữa khai thác kinh tế với bảo vệ chủ quyền trên biển.

Nhà Nguyễn đã huy động người dân tham gia vào các lực lượng thủy quân nhằm thực hiện các hoạt động xác lập, thực thi chủ quyền đối với các vùng biển đảo và hải cương. Cùng với các hoạt động khai thác kinh tế biển đảo, triều Nguyễn cũng đề cao cảnh giác, cương quyết trấn áp đối với các hoạt động của giặc biển cũng như chủ động phòng ngừa các hành động xâm lấn của các thế lực ngoại bang.

Cần thấy là, việc khai thác tiềm năng, lợi thế vùng ven biển, kiểm soát khai thác tài nguyên, phục hồi hệ sinh thái, gắn liền với bảo đảm quốc phòng và nâng cao đời sống của người dân vùng ven biển, hơn hết, dưới thời Nguyễn, triều đình chú trọng xác định hải cương; tăng cường tuần tra, kiểm soát, cứu hộ cứu nạn trên biển, xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới quốc gia trên biển, nhằm giữ gìn, làm chủ biên giới trên biển. Có thể nói ba trụ cột trong việc kết hợp kinh tế với an ninh, quốc phòng ở trên đã được triển khai khá hệ thống dưới thời vua Gia Long, Minh Mệnh.

Dưới góc nhìn quản lý hiện đại, có thể nhận thấy triều Nguyễn đã giải quyết có hiệu quả mối quan hệ địa-kinh tế và địa-chính trị, góp phần giữ vững ổn định, chủ quyền trên các vùng biển đảo của Tổ quốc. Trong tình hình hiện nay, vùng biển đảo Tây Nam không chỉ thể hiện được vai trò trong kinh tế biển mà còn phát huy vị thế của mình trong việc hợp tác kinh tế, đối ngoại, an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền ở khu vực, trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế vì hòa bình và phát triển bền vững của quốc gia và khu vực.

## CHÚ THÍCH

- (1). Nguyễn Văn Kim: “Văn minh và đế chế: Nhìn lại mô hình và con đường phát triển của các quốc gia Đông Á”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (406), 2010, tr.10.
- (2). Cristoforo Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.91.
- (3). Cristoforo Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.93.
- (4). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Hoàng Văn Lâu, tập 2, Nxb. Lao động - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2012, tr.1788.
- (5). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, dịch giả: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh. Hiệu đính và chú thích: Đào Duy Anh, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.201.
- (6). Đỗ Quỳnh Nga: “Việc sử dụng người Hoa của các chúa Nguyễn trong công cuộc mở đất miền Tây Nam Bộ”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (420), 2011, tr.40-49.
- (7). Vũ Văn Phái: “Biển và phát triển kinh tế biển Việt Nam: Quá khứ, hiện tại và tương lai”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3, Hà Nội (VNH3.TB5.411), 2008, tr.1.
- (8). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1778.
- (9). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, dịch giả: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh. Hiệu đính và chú thích: Đào Duy Anh, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.137.
- (10). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, dịch giả: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh. Hiệu đính và chú thích: Đào Duy Anh, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.137.
- (11). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1778.
- (12). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1784.
- (13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1783-1785.
- (14). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1784.
- (15). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1784.
- (16). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.1037.
- (17). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1785-1786.
- (18). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, dịch giả: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh. Hiệu đính và chú thích: Đào Duy Anh, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.69.
- (19). Nguyễn Chu Hồi (cb): *Tài nguyên, môi trường và chủ quyền biển, đảo Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.28-29.
- (20). Vũ Văn Phái: “Biển và phát triển kinh tế biển Việt Nam: Quá khứ, hiện tại và tương lai”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3, Hà Nội (VNH3.TB5.411), 2008, tr.4.
- (21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1783-1785.
- (22). Nguyễn Phương Nam: Phát triển bền vững kinh tế, quốc phòng trên địa bàn biển, đảo Tây Nam trong tình hình mới, <https://www.tapchicongsan.org.vn/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/38928/phat-trien-ben-vung-kinh-te%2C-quoc-phong-tren-dia-ban>

bien%2C-dao-tay-nam-trong-tinh-hinh-moi.aspx (truy cập ngày 10-4-2024).

(23). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2006, tr.10.

(24). Lê Quý Đôn: *Toàn tập*, tập 1: *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.195.

(25). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.384.

(26). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1790.

(27). Năm 1771, vua Xiêm phái 2 vạn quân đánh chiếm Hà Tiên khiến Mạc Thiên Tứ phải rút lui chờ cầu viện của chúa Nguyễn. Năm 1773, Mạc Thiên Tứ củng cố lại lực lượng đẩy lùi và đánh tan quân Xiêm, lấy lại Hà Tiên trong tình trạng đã bị quân giặc tàn phá nặng nề.

(28). Lê Quý Đôn: *Toàn tập*, tập 1, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.261-272.

(29).. Nguyễn Quang Ngọc: *Vùng đất Nam Bộ*, tập IV, *Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*, sdd, tr.387-394; Nguyễn Thanh Tuyền: “Cuộc kháng chiến chống Xiêm cuối năm 1833 đầu năm 1834 và chiến thắng Vàm Nao, Cổ Hồ”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 7 (567), 2023, tr.19-35.

(30). Châu bản triều Nguyễn, triều Gia Long 3/148.

(31). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.811.

(32). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.329.

(33). Những hình ảnh biển đảo được khắc trên bộ Cửu đỉnh là một nguồn tư liệu quý về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng

Sa và Trường Sa. Ngày 01-12-2012, tại Quyết định số 1426 /QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã công nhận 9 chiếc đỉnh thời Nguyễn là Bảo vật quốc gia. Tại kỳ họp thứ 10 ở Ulan Bator (Mông Cổ) vào ngày 08-5-2024, hồ sơ “Những bản đúc nổi trên chính đỉnh đồng Hoàng cung Huế” đã được ghi danh là Di sản tư liệu khu vực châu á-Thái Bình Dương của UNESCO.

(34). Diệp Anh: “Cửu Đỉnh: Tuyệt tác nghệ thuật - báu vật của quốc gia”. <https://baochinhphu.vn/cuu-dinh-tuyet-tac-nghe-thuat-bau-vat-cua-quoc-gia-102240509144109836.htm> (truy cập ngày 25-5-2024).

(35). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1789.

(36). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 295.

(37). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 295.

(38). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.1786.

(39). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr. 1786.

(40). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Minh Mệnh chính yếu*, 2010, tr. 1659.

(41). Trần Thị Mai: “Hoạt động phòng thủ trên biển của vương triều Nguyễn (1802-1884)”, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 17, số X1-2014, tr.53.

(42). Trần Thị Mai: “Hoạt động phòng thủ trên biển của vương triều Nguyễn (1802-1884)”, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 17, số X1-2014, tr.55.

(43). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.106.

(44). Xem thêm: Phạm Thị Thơm: “Chính sách cứu nạn trên biển dưới triều vua Gia Long-Minh Mạng (1802-1840)”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3 (216), 2018, tr.60-65.

(45). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, Hà Nội, tr.920.

(46). Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, dịch giả: Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh. Hiệu đính và chú thích: Đào Duy Anh, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.68.

(47). Bùi Thị Bích Ngọc, Nguyễn Duy Điệp: “Hoạt động quân sự ở vùng biên giới Tây Nam thời Gia Long (1802-1820)”, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 348 (12-2020), tr.96.

(48). *Xiêm La sự tích* nằm trong tập *Cao Miên, Xiêm La sự tích*, là tài liệu do Cơ Mật viện triều Nguyễn biên soạn theo chỉ dụ của vua Tự Đức, hoàn thành vào năm Tự Đức thứ 5 (1852), trình bày quan hệ giữa triều Nguyễn và nước Xiêm La từ thời các chúa Nguyễn cho đến triều vua Thiệu Trị (1841 - 1847). Nguyên bản *Cao Miên, Xiêm La sự tích* gồm 110 trang chữ Hán chép tay, khổ 29x16cm. Tài liệu lưu tại Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, kho Trung Quốc, ký hiệu HNV-204. Bản dịch tiếng Việt do Nguyễn Duy Điệp thực hiện. Dẫn theo: Bùi Thị Bích Ngọc: Tài liệu đã dẫn, 2020, tr.96.

(49). Tống Phước Ngoạn - Dương Văn Châu: *Xiêm La quốc lộ trình tập lục* (Phạm Hoàng Quân dịch, chú và giới thiệu), Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr.37-150.

(50). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.997.

(51). Nguyễn Đức Nhuệ, Ngô Vũ Hải Hằng: “Quan hệ chính trị Việt Nam-Chân Lạp-Xiêm La đầu thế kỷ XIX và nguyên nhân dẫn đến trận Vàm Nao-Cổ Hũ (1833-1834)”, Hội thảo khoa học cấp Quốc gia *Chiến thắng Vàm Nao-Cổ Hũ (1834)-190 năm nhìn lại*, Đồng Tháp, tháng 4-2024, tr.84.

(52). *Châu bản triều Nguyễn*, triều Minh Mệnh 18/184.

(53). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.385.

(54). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.909.

(55). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.909.

(56). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.67.

(57). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.762.